

Số: 21 /GPMT - UBND

Dĩ An, ngày 10 tháng 4 năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/2/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định 3484/QĐ-UBND ngày 16 tháng 8 năm 2022 của UBND thành phố Dĩ An về việc Ủy quyền phòng Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định cấp/cấp đổi/điều chỉnh/cấp lại giấy phép môi trường đối với các dự án đầu tư, cơ sở hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn thành phố Dĩ An;

Xét đề nghị cấp Giấy phép môi trường dự án “Nhà máy sản xuất giày dép, công suất 1.500.000 đôi/năm” của Công ty TNHH SX TM InDeLi Việt Nam và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Dĩ An tại Tờ trình số 148/TTr-PTNMT ngày 04 tháng 4 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH SX TM InDeLi Việt Nam, địa chỉ tại Lô B2, 54 Khu công nghiệp Tân Đông Hiệp B, phường Tân Đông Hiệp, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Nhà máy sản xuất giày dép, công suất 1.500.000 đôi/năm” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án:

1.1. Tên cơ sở: “Nhà máy sản xuất giày dép, công suất 1.500.000 đôi/năm” của Công ty TNHH SX TM InDeLi Việt Nam.

1.2. Địa điểm hoạt động: B2, 54 Khu công nghiệp Tân Đông Hiệp B, phường Tân

Đồng Hiệp, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mã số 3703281582 do sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, đăng ký lần đầu ngày 08 tháng 01 năm 2025 với ngành nghề sản xuất giày, dép.

1.4. Mã số thuế: 3703281582

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Nhà máy sản xuất giày dép.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Cơ sở có tiêu chí môi trường như dự án đầu tư nhóm III và chưa có giấy phép môi trường theo quy định của Luật bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và Nghị định số 05/2025/ND-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ.

- Quy mô: Dự án có tiêu chí như dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Tổng diện tích của cơ sở: 5.119 m².

- Công suất: 1.500.000 sản phẩm/năm.

- Tóm tắt quy trình hoạt động:

+ Quy trình sản xuất, gia công các sản phẩm cơ khí: Nguyên liệu (đế giày, mặt giày/dép) → Nhập kho → Mài rãnh đế giày và chắt/may giày/dép → Dán thành hình → Sấy → Ép định hình → Kiểm tra → Đóng gói → Thành phẩm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả bụi, khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với bụi, khí thải quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH SX TM InDeLi Việt Nam:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH SX TM InDeLi Việt Nam có trách nhiệm:

2.1. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu

cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.2. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.3. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.4. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 10 tháng 4 năm 2025 đến ngày 10 tháng 4 năm 2035).

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Dĩ An tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án án “Nhà máy sản xuất giày dép, công suất 1.500.000 đôi/năm” của Công ty TNHH SX TM InDeLi Việt Nam tại Lô B2, 54 Khu công nghiệp Tân Đông Hiệp B, phường Tân Đông Hiệp, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương theo quy định của pháp luật. /

Nơi nhận: 1/

- Công ty TNHH SX TM InDeLi Việt Nam;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Bình Dương;
- CT, PCT UBND Thành phố;
- Công thông tin điện tử Thành phố Dĩ An;
- Phòng Tài nguyên và Môi trường;
- UBND phường Tân Đông Hiệp;
- LĐVP, CVKT;
- Lưu: VT.

TM ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Trọng Tài

**Phụ lục 1****NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 21.. /GPMT-UBND ngày 10 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Dĩ An)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

- Không thuộc đối tượng phải cấp phép đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật bảo vệ môi trường (do nước thải phát sinh được thu gom đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải của địa phương), không xả trực tiếp ra môi trường.

- Đã có đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Tân Đông Hiệp B do Công ty TNHH Tập đoàn ĐT&XD Tân Đông Hiệp là đơn vị vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:**1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc tự động, liên tục:**

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

+ Nguồn số 1: nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vực nhà vệ sinh công nhân, lưu lượng khoảng 10 m³/ngày.

+ Nguồn số 2: nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh khu nhà văn phòng, lưu lượng khoảng 2 m³/ngày.

Toàn bộ lượng nước thải phát sinh với lưu lượng 12 m³/ngày được Công ty thu gom và đầu nối tại 01 điểm trên đường số 1, KCN Tân Đông Hiệp B với tọa X (m) = 1208223 Y (m) = 613241 (theo hệ tọa độ VN2000 kinh tuyến 105⁰45 vĩ độ 3⁰).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

+ Nước thải sinh hoạt (nguồn số 1) được thu gom theo đường ống PVC D114mm về bể tự hoại 3 ngăn (dung tích 24 m³) để xử lý sơ bộ trước đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải của Khu công nghiệp Tân Đông Hiệp B tại 1 điểm đầu nối trên đường số 1.

+ Nước thải sinh hoạt (nguồn số 2) được thu gom theo đường ống PVC D114mm về bể tự hoại 3 ngăn (dung tích 12 m³) để xử lý sơ bộ trước đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải của Khu công nghiệp Tân Đông Hiệp B tại 1 điểm đầu nối trên đường số 1.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

- Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại

Khoản 2, Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Rà soát, thực hiện đúng các nội dung trong hồ sơ báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường đã được thẩm định.
- Thường xuyên theo dõi hoạt động của bể tự hoại, hệ thống thu gom nước thải, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ, tránh các sự cố đối với hệ thống thu gom nước thải. Cập nhật tình hình hoạt động vào sổ theo dõi hàng ngày.
- Khi phát hiện đường ống dẫn nước thải bị rò rỉ nước cần khắc phục kịp thời tránh nước thải tràn ra ngoài.
- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý.
- Đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình vận hành đã xây dựng.
- Đào tạo đội ngũ nhân viên nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.
- Trường hợp xảy ra sự cố, Chủ dự án phải tiến hành dừng hoạt động hoặc giảm công suất; tiến hành rà soát các công trình, thiết bị xử lý nước thải, quy trình vận hành hệ thống để xác định nguyên nhân và đưa ra các giải pháp khắc phục, cải tạo hoặc nâng cấp công trình xử lý; đồng thời báo cơ quan chức năng để phối hợp xử lý.
- Định kỳ hằng năm thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng hệ thống thu gom và tiêu thoát nước mưa nước thải.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và khoản 13, Điều 1, Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/1/2025.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Thu gom toàn bộ nước thải phát sinh và đầu nối vào hệ xử lý nước thải địa phương.
- Đảm bảo phương án đầu nối, đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động.
- Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc đầu nối nước thải vào hệ xử lý nước thải khu công nghiệp để tiếp tục xử lý trước khi thải ra môi trường.
- Thực hiện đúng quy định tại Điều 74 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

**Phụ lục 2****NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 21.. /GPMT-UBND ngày 10 tháng 4 năm 2025
của Ủy ban nhân dân thành phố Dĩ An)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:**1. Nguồn phát sinh khí thải:**

- + Nguồn số 1: khí thải hơi dung môi từ quá trình từ công đoạn quét nước xử lý, keo dán đế giày của máy (M20 – máy gián keo) tại xưởng A.
- + Nguồn số 2: khí thải hơi dung môi từ quá trình từ công đoạn quét nước xử lý, keo dán đế giày của máy (M20 – máy gián keo) tại xưởng B.
- + Nguồn số 3: khí thải hơi dung môi từ quá trình từ quá trình ép đế của máy (M6 – máy ép đế) tại xưởng A.
- + Nguồn số 4: khí thải hơi dung môi từ quá trình từ quá trình ép đế của (M6 – máy ép đế) tại xưởng B.
- + Nguồn số 5: khí thải hơi dung môi từ quá trình từ quá trình sấy của (M12 – máy sấy) tại xưởng B.
- + Nguồn số 5: bụi phát sinh từ máy mài, cắt tạo rãnh của (M24 – máy mài + hút bụi) tại xưởng A.
- + Nguồn số 6: bụi phát sinh từ máy mài biên (M23 – máy mài) tại xưởng A.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:**2.1. Vị trí xả khí thải:**

Dòng khí thải số 01 (Nguồn số 1 đến số 5): $X (m) = 1208148$; $Y (m) = 613194$

(Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiều 3°)

Nguồn số 5 và nguồn số 6: bụi được thu gom, xử lý cục bộ bằng thiết bị lọc bụi túi vải. Khí thải sau khi được xử lý cục bộ sẽ được phát tán tự nhiên trong nhà xưởng nên không hình thành dòng thải.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

Dòng khí thải số 01: lưu lượng xả khí thải lớn nhất là $5.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

2.2.1. Phương thức xả khí thải:

Dòng khí thải số 1: khí thải liên tục qua ống thải có kích thước D600 mm và chiều cao $H = 15$ mét tính từ mặt đất.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí bảo đảm đáp ứng

yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2024/BTNMT, Cột A – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp (Cột A), cụ thể như sau:

STT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Giá trị giới hạn	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Ethyl Acetate	mg/Nm ³	80	06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng quan trắc khí thải tự động theo khoản 2 Điều 98 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường
2	n-butyl acetate	mg/Nm ³	80		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

Dòng khí số 1 (Nguồn số 1 đến số 5): được thu gom qua chụp hút sau đó theo các đường ống nhánh đường kính D200 mm về hệ thống xử lý khí thải hơi dung môi để xử lý sau đó thoát ra ngoài môi trường qua ống thải có kích thước D600 mm và chiều cao H = 15 mét tính từ mặt đất.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

Quy trình xử lý: Khí thải hơi dung môi (nguồn số 1 – 5) → Chụp hút → Đường ống thu gom đường kính D200 mm → Quạt hút → Tháp hấp phụ than hoạt tính → Ống thải ra môi trường (đường kính D600 mm, cao 15 mét).

Công suất thiết kế: 5.000m³/giờ.

Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải tự động theo Khoản 2 Điều 98 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Rà soát, thực hiện đúng các nội dung trong hồ sơ báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi

trường đã được thẩm định.

- Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo dưỡng định kỳ thiết bị xử lý khí thải; dự phòng thiết bị thay thế khi thiết bị xử lý khí thải hỏng hóc.

- Khi xảy ra sự cố lớn, sửa chữa mất nhiều thời gian, phải dừng hoạt động cho đến khi khắc phục được sự cố, đảm bảo không được gây ô nhiễm môi trường không khí. Đồng thời, thông báo cơ quan có chức năng có liên quan các sự cố để có biện pháp khắc phục kịp thời.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: từ tháng 06 năm 2025 đến tháng 7 năm 2025.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm: hệ thống xử lý khí thải hơi dung môi, công suất 5.000 m³/giờ.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: theo vị trí được cấp phép tại Phần A Phụ lục này, hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°45', vĩ độ 3°.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty TNHH SX TM InDeLi Việt Nam phải giám sát các chất ô nhiễm trong khí thải sau xử lý và đánh giá hiệu quả xử lý của thiết bị xử lý bụi, khí thải theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường theo quy định tại Mục 2.2.2 của Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý bụi, khí thải theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, cụ thể như sau:

- Thời gian đánh giá trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý khí thải: 3 ngày liên tiếp.

- Loại mẫu và vị trí lấy mẫu khí thải: mẫu đơn tại ống thải khí thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở đảm bảo ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường. Trường hợp có văn bản pháp luật quy định quy chuẩn kỹ thuật môi trường mới bổ sung hoặc thay thế quy chuẩn hiện hành thì phải tuân thủ việc áp dụng các quy chuẩn mới.

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, vật liệu hấp phụ để thường xuyên vận hành hiệu quả, công trình thu gom, xử lý khí thải.

- Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

**Phụ lục 3**

**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số .21.. /GPMT-UBND ngày 10 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Dĩ An)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Từ hoạt động máy móc của xưởng A
- Nguồn số 02: Từ hoạt động máy móc của xưởng B
- Nguồn số 03: Từ hoạt động hệ thống xử lý hơi dung môi

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: X (m) = 1208178; Y (m) = 613245
- Nguồn số 02: X (m) = 1208168; Y (m) = 613203
- Nguồn số 03: X (m) = 1208148; Y (m) = 613194

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105°45' múi chiều 3⁰)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và độ ồn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	55	Không	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	Không	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

1.1. Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng máy móc, thiết bị định kỳ, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn; Trồng cây xanh trong khuôn viên dự án để hạn chế tiếng ồn

1.2. Đối với máy móc, thiết bị phát sinh độ rung lắp đặt gối lên các đệm cao su, không tiếp xúc trực tiếp với chân đế bằng bê tông, từ đó giảm thiểu độ rung khi hoạt động. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu bôi trơn.

1.3. Bố trí các máy móc thiết bị trong dây chuyền sản xuất một cách hợp lý, tránh trường hợp các máy gây ồn cùng hoạt động và trong cùng một khu vực sẽ gây cộng hưởng ồn, làm gia tăng độ ồn.

1.4. Trang bị nút chống ồn cho công nhân khi mức ồn của các máy móc vượt tiêu chuẩn quy định.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.



Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ CỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 21... /GPMT-UBND ngày 10 tháng 4. năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Dĩ An)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

Stt	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (Rắn/lỏng/bùn)	Khối lượng (kg/năm)	Mã CTNH	Ký hiệu phân loại
1	Bóng đèn và các loại thủy tinh thải	Rắn	5	16 01 06	NH
2	Chất tẩy rửa thải có các thành phần nguy hại	Lỏng	10	16 01 10	KS
	Pin, ắc quy, chì thải	Rắn	5	19 06 01	NH
3	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	5	17 02 03	NH
4	Bao bì kim loại cứng thải chứa hóa chất, phụ gia, dầu máy	Rắn	200	18 01 02	NH
5	Bao bì cứng thải bằng nhựa chứa hóa chất, chất tẩy rửa nhà vệ sinh	Rắn	200	18 01 03	NH
6	Hộp mực in thải	Rắn	900	08 02 04	NH
7	Giẻ lau, găng tay dính thành phần nguy hại	Rắn	152	18 02 01	NH
8	Chất thải y tế	Rắn	1.477	13 01 01	NH
9	Than hoạt tính dính thành phần nguy hại	Rắn	5	12 01 04	NH
Tổng số lượng		-	1.478,5		

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

Stt	Thành phần	Trạng thái	Đơn vị tính	Khối lượng
1	Giấy và bao bì giấy các tông thải bỏ	Rắn	Tấn/năm	2
2	Rìi, đế giày/dép hư hỏng	Rắn	Tấn/năm	4.500
3	Vải vụn	Rắn	Tấn/năm	7.000
4	Da vụn	Rắn	Tấn/năm	5.000
5	Pallet hư hỏng	Rắn	Tấn/năm	5
6	Túi nylon, nút xốp, dây buộc nguyên liệu	Rắn	Tấn/năm	3
Tổng cộng				16.510

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động nhân viên, lượng rác phát sinh khoảng 60,84 tấn/năm (202,8 kg/ngày).

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Trang bị các thùng chứa có nắp đậy, dán nhãn để thu gom và bảo quản CTNH. Bên ngoài thùng chứa có dán mã chất thải nguy hại tương ứng Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa:

- Diện tích kho lưu chứa: 20 m².
- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa: kho lưu chứa bằng thép inox không gỉ, có gờ chống tràn, có biển cảnh báo nguy hại, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Trang bị các thùng chứa có nắp đậy và đảm bảo Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2.2.2. Kho/khu vực lưu chứa:

- Diện tích kho chứa: 20 m²
- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa: kho lưu chứa tường bê tông, có mái che, nền

xi măng chống thấm, độ cao mặt sân 0,2m, có gờ chống tràn theo quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Trang bị các thùng chứa có nắp đậy dung tích 20 – 240 lít đặt tại khu vực tập kết chất thải sinh hoạt – khu vực bảo vệ.

2.2.2. Kho/khu vực lưu chứa: diện tích 5 m², khu vực lưu chứa có nền bê tông, mái che nắng mưa.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải sinh hoạt:

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/1/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Xây dựng, thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.



Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số **.21.** /GPMT-UBND ngày **10** tháng **4** năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Dĩ An)*

1. Công ty TNHH SX TM InDeLi Việt Nam có trách nhiệm thực hiện các công tác bảo vệ môi trường theo đúng nội dung giấy phép môi trường được cấp phép trong quá trình hoạt động.
2. Công ty TNHH SX TM InDeLi Việt Nam có trách nhiệm quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
3. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường theo quy định của pháp luật.
4. Chấp hành việc di dời trong trường hợp có chủ trương, chính sách của nhà nước.